

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Hồng Hải

2. Bà Bùi Thị Quy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Anh Trần Minh H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn H đăng ký kết hôn ngày 25/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N trên cơ sở tự

nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, chị về chung sống với anh H tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở thôn Q, xã Đ, huyện N (nay là Thôn H, xã Đ, huyện N). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chịu tu chí làm ăn, thường hay chơi bời, vay mượn và mang tài sản trong gia đình đi cầm ký. Chị không chịu đựng được đã định xin ly hôn nhưng anh H xin lỗi và hứa thay đổi, do vậy, chị vẫn tiếp tục chung sống cùng anh H. Thời gian gần đây, anh H lại tiếp tục chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, chăm lo cho vợ con và còn vay nợ lung tung, dẫn đến nhiều người gọi điện quấy rối, đòi nợ và gây áp lực với chị. Nhiều lần chị phải trả nợ thay cho anh H. Gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng anh H không chịu thay đổi. Cuối năm 2018, chị không chịu được nên đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn V, xã H, huyện N ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian này anh H cũng không chịu thay đổi và cũng không quan tâm đến vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đã mất hết niềm tin đối với anh H, do vậy, chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 06/3/2010 và Trần Phương L, sinh ngày 27/12/2015. Hiện tại các con chung đều đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Lý do chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con vì các con còn nhỏ, do chị nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Anh H hay chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến các con, lại có nhiều người đến đòi nợ, do vậy, để các con ở với anh H theo chị là không đảm bảo an toàn và sự phát triển của các cháu. Hiện tại chị làm tại Trung tâm y tế huyện N, đồng thời làm thêm ở phòng khám tư nhân, thu nhập bình quân khoảng hơn 9.000.000đ/tháng. Chị và các con đang ở nhà bố mẹ chị. Nhà rộng rãi. Bố mẹ chị cũng tạo điều kiện để hỗ trợ chị và các con chỗ ở cũng như chăm sóc các con khi chị đi làm. Chị hoàn toàn đủ khả năng để chăm sóc tốt cho 02 con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2019, bị đơn - anh Trần Văn H trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn liên quan đến vấn đề kinh tế gia đình do anh nợ nần trước đây và gần đây anh có làm ăn thua lỗ nên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Sau đó, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị T ở H, N ở. Anh đã đến động viên chị T về đoàn tụ nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của anh H là không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để các con đỡ

khô.

Về con chung: Anh H xác định hiện tại 02 con đang do chị T nuôi dưỡng. Thời gian vợ chồng ly thân, anh không gửi tiền lo cho các con. Tuy nhiên, nếu vợ chồng ly hôn, anh vẫn yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Lý do anh H xin được nuôi cả 02 con là vì anh có nhà ở và làm ở công ty nhựa Đệ Nhất với mức thu nhập hàng tháng từ 11.000.000đ – 13.000.000đ.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2019, cháu Trần Minh K trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ và em gái Trần Phương L.

- Những người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T – là bố đẻ chị T, anh Trần Minh H – là anh ruột anh H đều xác nhận nội dung mâu thuẫn như phía chị T trình bày, gia đình cũng đã hòa giải động viên nhưng không được. Quan điểm của ông T và anh H là không mong muốn vợ chồng chị T ly hôn, nhưng việc có ở được với nhau hay không đó là quyền quyết định của chị T, anh H. Về con chung: Phía anh H xác định hiện tại chị T thực hiện việc nuôi dưỡng 02 con rất tốt. Ông T xác định nếu chị T được nuôi con, gia đình ông sẽ hỗ trợ để đảm bảo điều kiện tốt nhất để chị T nuôi dưỡng tốt 02 con.

- Tại Biên bản xác minh với ông Trần Quốc H – Trưởng thôn H xác định: Mâu thuẫn của chị T và anh H xuất phát từ cuối năm 2018, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc anh H vay mượn bên ngoài, nhiều người đòi nợ. Chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng không được. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo định pháp luật. Về con chung: Phía địa phương xác định phía chị T nuôi con sẽ đảm bảo hơn anh H. Còn việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án tham khảo ý kiến của vợ chồng và các con.

Tại phiên toà: Chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H và đề nghị giao cả 02 con cho chị T nuôi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con với chị.

Anh H được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều

82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn H. Về quan hệ con chung: Xử giao 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 06/3/2010 và Trần Phương L, sinh ngày 27/12/2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau ngày 25/5/2009 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N. Do vậy, hôn nhân của chị T, anh H là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong việc quản lý kinh tế, vay nợ, chi tiêu trong gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra bất đồng. Chị T đã tha thứ cho anh H, nhưng đến năm 2018, mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra trầm trọng do anh H vay nợ nhiều, không chăm lo gia đình. Chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Mặc dù Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án nhiều lần, anh H biết nhưng không đến Tòa, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị T, anh H không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 06/3/2010 và Trần Phương L, sinh ngày 27/12/2015. Hiện

tại các con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cả chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, xem xét về điều kiện hoàn cảnh, công việc, thu nhập, chỗ ở của chị T, anh H; nguyện vọng của con (cháu Khánh muốn ở với mẹ), cháu Linh còn nhỏ; cũng như ý thức trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại các con đều do chị T nuôi dưỡng chăm sóc tốt; anh H khai rằng mức thu nhập 10 – 11 triệu đồng/tháng, tuy nhiên không đóng góp hỗ trợ chị T nuôi con, lại vay nợ nhiều khiến nhiều người đến đòi nợ, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của chị T và các con. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả 02 con Trần Minh K và Trần Phương L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Đây là ý kiến tự nguyện của chị nên được chấp nhận. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 06/3/2010 và Trần Phương L, sinh ngày 27/12/2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0008321, ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang